

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 3 - 2023
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Út

Ông Danh Luot

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị T, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 7, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn Đ, sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 7, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Thị T trình bày:

Chị T và anh Đ tự nguyện kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Phan Trung T (nam), sinh năm 2011 và Phan Thị Huỳnh Nh (nữ), sinh năm 2013, hai cháu hiện đang sống với anh Đ. Khi ly hôn chị T đồng ý giao cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phan Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá và nhận định về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị T yêu cầu xin ly hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” được Luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phan Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị T thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, vợ chồng anh chị đã duy trì quan hệ hôn nhân được một thời gian, có con chung, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không thể hàn gắn được. Căn cứ vào kết quả xác minh, lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở chứng minh rằng quan hệ của anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa chị T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Nhận thấy chị T và anh Đ đã có thời gian mâu thuẫn kéo dài, nhưng anh chị

không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là Phan Trung T (nam), sinh năm 2011 và Phan Thị Huỳnh Nh (nữ), sinh năm 2013, hai cháu hiện đang sống với anh Đ. Khi ly hôn chị T đồng ý giao cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi sinh ra thì hai cháu sống chung với vợ chồng anh chị nhưng từ khi anh chị không còn sống chung với nhau thì hai cháu sống với anh Đ. Hơn nữa, hai cháu đã trên 07 tuổi, các cháu có nguyện vọng được sống chung với anh Đ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống cho các cháu, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Tuyền và cháu Nh cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng: Anh Đ chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị T đối với anh Phan Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thị T được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

Về con chung: Anh Phan Văn Đ được tiếp tục nuôi con chung là Phan Trung T (nam), sinh năm 2011 và Phan Thị Huỳnh Nh (nữ), sinh năm 2013. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Đ chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đang sự khai không có, nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Thị T phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) được chuyển từ tạm ứng án phí sang án phí theo lai thu số 0006602 phiếu lập ngày 27/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND xã Vĩnh Viễn A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lữ Thành Đồng